BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 166 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập và bảo vệ luận văn thạc sĩ của học viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ cho 193 học viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 được hưởng mọi quyền lợi quy định tại Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các phòng, khoa liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất, các học viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH (để báo cáo);
- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, SĐH.

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Quyết định số: 166 /QĐ-MĐC ngày 01 tháng 7 năm 2023)

TT	Họ và tên học viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Số bằng
1	Nguyễn Văn Dũng	Nam	08/01/1986	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
2	Nguyễn Thành Đô	Nam	24/06/1977	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
3	Phạm Văn Giang	Nam	08/04/1983	Ninh Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
4	Lại Tuấn Hiệp	Nam	14/02/1994	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
5	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	15/06/1991	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
6	Nguyễn Quốc Khuể	Nam	14/03/1982	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
7	Lê Văn Ninh	Nam	02/04/1972	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
8	Phạm Văn Sơn	Nam	02/06/1974	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
9	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	31/05/1976	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
10	Hà Văn Thạch	Nam	06/07/1979	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
11	Nguyễn Văn Thái	Nam	04/02/1975	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
12	Nguyễn Văn Thanh	Nam	26/05/1978	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
13	Đỗ Đình Thắng	Nam	13/10/1975	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
14	Bùi Thị Huyền Trang	Nữ	25/08/1985	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
15	Trần Đức Anh	Nam	27/06/1997	Hà Nội	KT trắc địa - bản đồ	
16	Mai Qúy Cường	Nam	03/03/1995	Thái Bình	KT trắc địa - bản đồ	
17	Nguyễn Ngọc Đĩnh	Nam	09/05/1983	Ninh Bình	KT trắc địa - bản đồ	
18	Lê Văn Đông	Nam	26/02/1983	Thanh Hóa	KT trắc địa - bản đồ	
19	Phan Sỹ Đức	Nam	12/08/1995	Đồng Nai	KT trắc địa - bản đồ	
20	Trần Mạnh Giỏi	Nam	15/06/1996	Hà Nam	KT trắc địa - bản đồ	
21	Lê Thanh Hải	Nam	04/11/1969	Bắc Giang	KT trắc địa - bản đồ	
22	Hà Thanh Hải	Nam	02/03/1979	Thanh Hoá	KT trắc địa - bản đồ	
23	Bùi Phú Hải	Nam	01/07/1977	Lâm Đồng	KT trắc địa - bản đồ	
24	Nguyễn Cơ Học	Nam	03/09/1981	Thuận Hải	KT trắc địa - bản đồ	
25	Nguyễn Văn Hổ	Nam	16/02/1989	Bình Định	KT trắc địa - bản đồ	
26	Nguyễn Văn Huân	Nam	25/10/1992	Hải Dương	KT trắc địa - bản đồ	
27	Đoàn Mạnh Hùng	Nam	25/05/1990	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	
28	Lê Nguyên Huy	Nam	05/07/1975	Lâm Đồng	KT trắc địa - bản đồ	
29	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	30/05/1988	Đồng Tháp	KT trắc địa - bản đồ	
30	Cao Minh Hưng	Nam	18/08/1999	TT Huế	KT trắc địa - bản đồ	
31	Lê Thanh Lâm	Nam	20/06/1985	Thanh Hóa	KT trắc địa - bản đồ	
32	Ngô Thanh Liêm	Nam	10/06/1976	Tiền Giang	KT trắc địa - bản đồ	
33	Tiêu Hoàng Mạnh	Nam	17/11/1996	Hải Dương	KT trắc địa - bản đồ	
34	Đỗ Gia Ngọc	Nam	21/02/1975	Hải Dương	KT trắc địa - bản đồ	
35	Lê Hữu Quyền	Nam	12/05/1997	Lâm Đồng	KT trắc địa - bản đồ	
36	Nguyễn Thị Hoa Sim	Nữ	22/09/1990	Hưng Yên	KT trắc địa - bản đồ	
37	Lâm Khánh Tân	Nam	13/03/1985	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
38	Phạm Thanh Tuấn	Nam	26/02/1988	Bến tre	KT trắc địa - bản đồ	
39	Phạm Ngọc Tùng	Nam	27/11/1982	Thái Bình	KT trắc địa - bản đồ	
40	Ngô Văn Triều	Nam	17/07/1977	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	
41	Trương Hoàng Trung	Nam	24/01/1989	Thanh Hóa	KT trắc địa - bản đồ	
42	Đặng Đình Trường	Nam	15/05/1988	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	

43	Lê Đức Việt	Nam	04/05/1979	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	
44	Nguyễn Phương Nam	Nam	26/10/1985	Quảng Bình	KT trắc địa - bản đồ	
45	Hoàng Trung Thông	Nam	02/06/1990	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	
46	Hồ Mạnh Cường	Nam	16/12/1970	Quảng Bình	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
47	Nguyễn Khắc Đức	Nam	21/12/1986	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
48	Vũ Bá Nghị	Nam	05/06/1982	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
49	Đào Thị Nhàn	Nữ	01/11/1985	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
50	Nguyễn Danh Tuyên	Nam	09/06/1979	Phú Thọ	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
51	Nguyễn Văn Tuyên	Nam	14/02/1986	Thái Bình	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
52	Nguyễn Văn Thùy	Nam	05/11/1986	Bắc Giang	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
53	Vũ Hoàng Dương	Nam	08/04/1997	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
54	Trần Bảo Long	Nam	22/08/1976	Nghệ An	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	Bắc Ninh	Địa tin học	
56	Nghiêm Thanh Hải	Nam	14/11/1987	Hà Nội	Địa tin học	
57	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	Nam Định	Địa tin học	
58	Lê Minh Sơn	Nam	22/12/1995	Thanh Hóa	Địa tin học	
59	Đặng Xuân Thủy	Nam	20/03/1982	Hưng Yên	Địa tin học	
60	Phạm An Cương	Nam	28/07/1973	Hà Nội	Địa tin học	
61	Đặng Tiến Anh	Nam	24/10/1997	Thái Bình	Kỹ thuật hóa học	
62	Triệu Quang Chiến	Nam	12/02/1986	Quảng Ninh	KT xây dựng công trình ngầm	
63	Nguyễn Huy Đạt	Nam	02/02/1996	Bắc Ninh	KT xây dựng công trình ngầm	
64	Hoàng Trọng Đạo	Nam	30/03/1992	Nam Định	KT xây dựng công trình ngầm	
65	Nông Việt Trung	Nam	27/11/1994	Hà Nội	KT xây dựng công trình ngầm	
66	Lê Minh Trí	Nam	25/09/1992	Quảng Nam	KT xây dựng công trình ngầm	
67	Nguyễn Thành Đô	Nam	20/06/1987	Hà Nội	KT xây dựng công trình ngầm	
68	Lê Chí Kiên	Nam	10/051980	Hà Tĩnh	KT xây dựng công trình ngầm	
69	Nguyễn Xuân Long	Nam	23/12/1991	TT Huế	KT xây dựng công trình ngầm	
70	Nguyễn Thành Phong	Nam	22/01/1991	BR Vũng Tàu	KT xây dựng công trình ngầm	
71	Lê Trường Sơn	Nam	12/08/1987	Thanh Hóa	KT xây dựng công trình ngầm	
72	Phạm Ngọc Sơn	Nam	13/08/1992	BR Vũng Tàu	KT xây dựng công trình ngầm	
73	Nguyễn Duy Trinh	Nam	29/09/1981	BR Vũng Tàu	KT xây dựng công trình ngầm	
74	Lê Thành Trung	Nam	27/04/1992	Đồng Nai	KT xây dựng công trình ngầm	
75	Nguyễn Hồ Anh Dũng	Nam	14/02/1996	Hải Phòng	KT điều khiển và tự động hóa	
76	Phạm Hải Hà	Nam	16/12/1993	Hải Dương	KT điều khiển và tự động hóa	
77	Trần Văn Tính	Nam	02/07/1978	Hà Tĩnh	KT điều khiển và tự động hóa	
78	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	31/08/1984	Hà Nội	KT điều khiển và tự động hóa	
79	Vũ Thùy Linh	Nữ	05/06/1997	Hà Nội	Kỹ thuật tuyển khoáng	
80	Trần Hùng Mạnh	Nam	11/11/1995	Lào Cai	Kỹ thuật tuyển khoáng	
81	Nguyễn Quý Nam	Nam	18/09/1992	Lào Cai	Kỹ thuật tuyển khoáng	
82	Quán Đức Thắng	Nam	05/02/1987	Lào Cai	Kỹ thuật tuyển khoáng	
83	Nguyễn Ngọc Chính	Nam	02/10/1987	Thái Bình	Khai thác mỏ	
84	Mai Hồng Hải	Nam	08/11/1972	Hải Dương	Khai thác mỏ	
85	Trần Trung Kiên	Nam	04/02/1981	Hà Nam	Khai thác mỏ	
86	Nguyễn Xuân Lượng	Nam	24/06/1979	Thái Bình	Khai thác mỏ	
87	Đỗ Công Minh	Nam	18/04/1983	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
88	Phạm Hồng Phong	Nam	01/11/1995	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
89	Đỗ Đình Sáng	Nam	13/01/1996	Bắc Giang	Khai thác mỏ	
90	Nguyễn Quyết Tiến	Nam	24/7/1990	Nam Định	Khai thác mỏ	

91	Trần Thanh Hải	Nam	10/01/1979	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
92	Nguyễn Minh Mạnh	Nam	05/03/1982	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
93	Lê Hữu Năm	Nam	28/09/1979	Thái Bình	Kỹ thuật điện	
94	Phan Văn Ngọc	Nam	18/11/1995	Hà Tĩnh	Kỹ thuật điện	
95	Phạm Huy Tùng	Nam	29/05/1985	Hải Dương	Kỹ thuật điện	
96	Phạm Xuân Thành	Nam	23/05/1994	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
97	Vũ Quang Thắng	Nam	10/03/1978	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
98	Lê Xuân Việt	Nam	08/03/1986	Thái Bình	Kỹ thuật điện	
99	Đỗ Thế Anh	Nam	14/09/1980	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
100	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	02/12/1987	Lào Cai	Quản lý kinh tế	
101	Đặng Hồng Ánh	Nữ	15/01/1993	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
102	Nguyễn Vũ Bách	Nam	29/02/1992	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
103	Bùi Văn Bằng	Nam	15/09/1976	Hải Dương	Quản lý kinh tế	
104	Nguyễn Công Bằng	Nam	17/01/1987	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	
105	Vy Tiến Bình	Nam	11/12/1975	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
106	Trần Anh Cường	Nam	10/01/1975	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
107	Nguyễn Đức Chuẩn	Nam	13/01/1978	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
108	Hoàng Thị Chung	Nữ	19/06/1982	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
109	Nguyễn Thành Duy	Nam	30/07/1983	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	
110	Nông Ngọc Duy	Nam	03/09/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
111	Lưu Quang Đạo	Nam	28/05/1976	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
112	Nguyễn Thị Mỹ Điệp	Nữ	04/07/1991	BR Vũng Tàu	Quản lý kinh tế	
113	Phùng Văn Điệp	Nam	20/10/1986	Bắc Giang	Quản lý kinh tế	
114	Lương Văn Đoàn	Nam	08/09/1975	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
115	Cao Minh Đức	Nam	07/09/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
116	Bùi Thu Hà	Nữ	02/01/1994	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
117	Lê Trần Hà	Nam	18/08/1968	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
118	Kiều Hải	Nam	28/02/1975	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
119	Văn Trung Hải	Nam	06/05/1993	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
120	Nguyễn Văn Hải	Nam	10/07/1982	Nghệ An	Quản lý kinh tế	
121	Trần Thị Hạnh	Nữ	21/02/1995	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
122	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	19/08/1982	Hải Dương	Quản lý kinh tế	
123	Phạm Thị Hạo	Nữ	20/10/1977	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
124	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	07/12/1979	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	
125	Lương Thị Hiền	Nữ	01/01/1978	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
126	Vi Hoàng Hiệp	Nam	08/12/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
127	Lèo Văn Hiệp	Nam	17/04/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
128	Trịnh Duy Hiếu	Nam	10/12/1974	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
129	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	09/10/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
130	Lê Trần Hòa	Nam	03/03/1973	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
131	Phan Thị Hoài	Nữ	02/09/1989	Nghệ An	Quản lý kinh tế	
132	Bùi Đức Hoàn	Nam	02/01/1995	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
133	Nguyễn Văn Huệ	Nam	20/01/1986	Nghệ An	Quản lý kinh tế	
134	Dương Việt Hùng	Nam	24/01/1993	BR Vũng Tàu	Quản lý kinh tế	
135	Trịnh Quốc Hùng	Nam	04/01/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
136	Hoàng Công Hưng	Nam	27/04/1990	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
137	Nguyễn Thị Thụy Hương	Nữ	10/05/1980	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
138	Đỗ Thị Thu Hương	Nữ	30/10/1970	Hà Nội	Quản lý kinh tế	

139	Hoàng Minh Hưởng	Nam	30/03/1978	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
140	Nguyễn Trung Kiên	Nam	27/03/1994	TPHCM	Quản lý kinh tế	
141	Nguyễn Đức Khoa	Nam	28/11/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
142	Lê Tiến Lam	Nam	03/11/1969	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
143	Mai Quỳnh Liên	Nữ	05/01/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
144	Âu Thị Loan	Nữ	12/12/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
145	Ngô Văn Long	Nam	28/11/1983	Nam Định	Quản lý kinh tế	
146	Nguyễn Đức Luận	Nam	05/01/1979	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
147	Bế Văn Lý	Nam	09/03/1986	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
148	Bùi Hoàng Nam	Nam	12/02/1977	Yên Bái	Quản lý kinh tế	
149	Phạm Thanh Nga	Nữ	31/03/1982	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
150	Vũ Thị Nga	Nữ	16/04/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
151	Đỗ Thị Thúy Nga	Nữ	19/03/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
152	Dương Thị Nga	Nữ	26/09/1984	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
153	Nguyễn Thị Ngát	Nữ	07/09/1982	Nam Định	Quản lý kinh tế	
154	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	15/04/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
155	Nguyễn Quang Nghĩa	Nam	03/08/1976	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
156	Lê Xuân Ngọc	Nam	17/08/1996	BR Vũng Tàu	Quản lý kinh tế	
157	Phạm Thị Nhài	Nữ	24/12/1991	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
158	Vũ Văn Nhất	Nam	03/09/1984	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
159	Vi Mai Oanh	Nữ	16/01/1996	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
160	Phạm Hải Phong	Nam	07/10/1988	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
161	Vũ Thị Bích Phương	Nữ	24/02/1992	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
162	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	15/05/1992	Hải Phòng	Quản lý kinh tế	
163	Ngô Sĩ Tâm	Nam	05/08/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
164	Lê Ngọc Tú	Nam	24/09/1994	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
165	Nguyễn Văn Tuân	Nam	26/09/1988	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
166	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	08/03/1972	Hải Dương	Quản lý kinh tế	
167	Dương Đức Tuy	Nam	02/04/1978	Bắc Giang	Quản lý kinh tế	
168	Nguyễn Văn Tuyến	Nam	02/01/1977	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
169	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	20/04/1978	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
170	Nguyễn Kim Thành	Nam	12/02/1986	Hưng Yên	Quản lý kinh tế	
171	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	10/05/1989	Vĩnh Phúc	Quản lý kinh tế	
172	Tạ Quang Phú	Nam	13/08/1991	BR Vũng Tàu	Quản lý kinh tế	
173	Trần Văn Thắng	Nam	09/10/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
174	Lê Thị Thêm	Nữ	11/10/1979	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
175	Hoàng Văn Thi	Nam	09/05/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
176	Hà Văn Thiếu	Nam	19/09/1975	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
177	Lã Đức Thọ	Nam	17/08/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
178	Nguyễn Thị Hà Thu	Nam	29/05/1994	Gia Lai	Quản lý kinh tế	
179	Lương Văn Thu	Nam	04/04/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
180	Nguyễn Đình Thúy	Nam	08/04/1984	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
181	Phan Thị Thương	Nữ	26/11/1980	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
182	Nguyễn Thu Trang	Nữ	22/08/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
183	Đào Quang Trung	Nam	12/10/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
184	Tạ Ngọc Ứng	Nam	06/07/1987	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
185	Đào Vũ Việt	Nam	30/04/1975	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
186	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	27/08/1977	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	

187	Nguyễn Vũ Vân Anh	Nữ	18/11/1983	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
188	Nguyễn Lâm Khải	Nam	01/09/1988	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
189	Lý Nguyễn Hải Hà	Nữ	15/06/1999	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
190	Lê Thị Thu Hảo	Nữ	03/02/1980	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
191	Lê Thanh Huyền	Nữ	17/07/1976	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
192	Trần Thị Bích Liên	Nữ	18/11/1978	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
193	Đỗ Hoàng Sơn	Nam	17/04/1995	Hà Nội	Quản lý kinh tế	

(Danh sách gồm 193 học viên)

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải